

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XCD

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP TRẮC ĐỊA

HỌC KỲ 3

MÃ HỌC PHẦN: CIE - 260

TÍN CHỈ 1

Ngày thi: 21/09/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
1	151135243	HỒ THÁI AN	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
2	151212090	TRẦN PHƯỚC ĐÔNG	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
3	151212097	NGUYỄN VĂN THÔNG	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
4	151212101	LÊ THÀNH TRUNG	K15XCD1	9				9				8	8.5	Tầm pháp Nàm			
5	151214531	THÂN VĨNH TUẤN	K15XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng			
6	151214532	HUỲNH CHÂU THANH HOÀNG	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
7	151214533	BÙI LONG HẢI	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
8	151214534	NGUYỄN ĐẮC TRUNG NGUYỄN	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
9	151214536	PHAN VĂN PHÚ	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
10	151214539	PHẠM MINH VƯƠNG	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
11	151214544	NGUYỄN VĂN TUYẾN	K15XCD1	8				7				6	6.7	Sầu pháp Báý			
12	151214545	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
13	151214553	LÊ VIỆT DANH TOẠI	K15XCD1	8				6				5	5.9	Nàm pháp Chèn			
14	151214564	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
15	151214567	NGUYỄN NGỌC GIỚI	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
16	151214570	CAO VĂN SƠN	K15XCD1	8				7				6	6.7	Sầu pháp Báý			
17	151214574	HOÀNG VIỆT HẢI	K15XCD1	8				6				5	5.9	Nàm pháp Chèn			
18	151214583	LÊ MINH QUANG	K15XCD1	9				9				8	8.5	Tầm pháp Nàm			
19	151214585	ĐỖ ĐỨC THỊNH	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
20	151214586	NGUYỄN HOÀNG THẮNG	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
21	151214587	NGÔ TÙNG SƠN	K15XCD1	8				6				5	5.9	Nàm pháp Chèn			
22	151214592	NGUYỄN QUANG CƯỜNG	K15XCD1	0				0				HP	0.0	Khăng			
23	151214597	NGUYỄN QUỐC NHI	K15XCD1	8				6				5	5.9	Nàm pháp Chèn			
24	151214600	TRẦN VĨNH THÀNH	K15XCD1	8				6				5	5.9	Nàm pháp Chèn			
25	151214603	THÁI VĂN HÙNG	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
26	151214606	LÊ DUY THANH	K15XCD1	6				6				6	6.0	Sầu			
27	151214608	LÊ VIỆT HÙNG	K15XCD1	6				6				5	5.5	Nàm pháp Nàm			
28	151214612	NGUYỄN LÊ HỮU LỘC	K15XCD1	9				7				5	6.3	Sầu pháp Ba			
29	151214613	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG	K15XCD1	8				7				8	7.8	Báý pháp Tầm			
30	151214615	HUỲNH VĂN BÃY	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
31	151214622	TRẦN VĂN MẠNH	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
32	151214624	NGUYỄN VĂN BẢO	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
33	151215632	ĐẶNG THÀNH PHONG	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
34	151215635	NGUYỄN CỬU	K15XCD1	7				2				2	0.0	Khăng			
35	151215788	HỒ PHAN NGỌC NHÂN	K15XCD1	8				7				6	6.7	Sầu pháp Báý			
36	151215791	PHẠM PHƯỚC QUỐC VŨ	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
37	151215901	LÊ ANH TÙNG	K15XCD1	8				7				7	7.2	Báý pháp Hai			
38	151215902	DƯƠNG HOÀI NAM	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tầm			
39	151216012	LÊ NGỌC SÁNG	K15XCD1	8				6				5	5.9	Nàm pháp Chèn			
40	151216013	PHẠM TIẾN TỐI	K15XCD1	6				5				2	0.0	Khăng			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K15XCD

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP TRẮC ĐỊA

HỌC KỲ 3

MÃ HỌC PHẦN : CIE - 260

TÍN CHỈ 1

Ngày thi: 21/09/2010

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20				25				55	100			
41	151216089	NGUYỄN VĂN BÌNH	K15XCD1	8				7				6	6.7	Sau pháp Baý		
42	151216130	NGUYỄN TIẾN HUY	K15XCD1	7				5				2	0.0	Khăng		
43	151216132	ĐOÀN CHÍ CÔNG	K15XCD1	8				6				5	5.9	Nằm pháp Chên		
44	151216253	LÊ VĂN LỆ	K15XCD1	8				7				6	6.7	Sau pháp Baý		
45	151322158	BÙI VĂN LƯƠNG	K15XCD1	8				7				6	6.7	Sau pháp Baý		
46	151324886	HUỖNH THỊ SANG	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tăm		
47	151325641	NGÔ HUỖNH ĐAN CA	K15XCD1	8				8				8	8.0	Tăm		
48	112230621	TRẦN VĂN THUẬN	K15XCD2	0				0				HP	0.0	Khăng		
49	141213131	HỒ CẢNH BÌNH	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
50	141213209	NGÔ THANH SANG	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
51	141213241	LÊ VĂN TIẾN	K15XCD2	8				7				7	7.2	Baý pháp Hai		
52	151132262	TRẦN KHÁNH BẢO	K15XCD2	7				6				6	6.2	Sau pháp Hai		
53	151135145	PHAN QUỐC SÁNG	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
54	151136042	NGUYỄN THỊ NHẢ	K15XCD2	7				6				5	5.7	Nằm pháp Baý		
55	151212089	TRỊNH TUẤN	K15XCD2	8				7				7	7.2	Baý pháp Hai		
56	151212094	NGUYỄN TÔ THÀNH	K15XCD2	7				6				6	6.2	Sau pháp Hai		
57	151212095	TRẦN VĂN THỂ	K15XCD2	7				8				8	7.8	Baý pháp Tăm		
58	151212103	HOÀNG NGỌC THANH	K15XCD2	7				8				8	7.8	Baý pháp Tăm		
59	151214535	NGUYỄN ĐỨC TÀI	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
60	151214538	HUỖNH ĐỨC HOÀNG HẢI	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
61	151214540	ĐỖ THỊ CẨM NHI	K15XCD2	7				6				5	5.7	Nằm pháp Baý		
62	151214541	NGUYỄN HOÀNG HÀ	K15XCD2	6				5				3	0.0	Khăng		
63	151214542	VŨ HỮU ỨNG	K15XCD2	8				8				7	7.5	Baý pháp Nằm		
64	151214547	BÙI TÁ AN	K15XCD2	8				7				7	7.2	Baý pháp Hai		
65	151214549	NGUYỄN HUY CHUÔNG	K15XCD2	9				8				7	7.7	Baý pháp Baý		
66	151214550	HỒ CÔNG QUỐC PHONG	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
67	151214552	LƯƠNG DUYÊN GIANG	K15XCD2	8				7				6	6.7	Sau pháp Baý		
68	151214555	LÊ PHI HOÀNG	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
69	151214557	NGUYỄN QUỐC VƯƠNG	K15XCD2	8				7				6	6.7	Sau pháp Baý		
70	151214558	HOÀNG NGỌC HẢI	K15XCD2	8				7				7	7.2	Baý pháp Hai		
71	151214562	HỒ SỸ LIÊM	K15XCD2	8				7				6	6.7	Sau pháp Baý		
72	151214566	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	K15XCD2	7				6				5	5.7	Nằm pháp Baý		
73	151214572	TRẦN VĂN DỤ	K15XCD2	8				7				6	6.7	Sau pháp Baý		
74	151214580	LÂM QUANG VƯƠNG	K15XCD2	7				5				HP	0.0	Khăng		
75	151214584	ĐÌNH HOÀNG HUY	K15XCD2	8				6				5	5.9	Nằm pháp Chên		
76	151214589	NGUYỄN VĂN HIẾU	K15XCD2	9				9				8	8.5	Tăm pháp Nằm		
77	151214590	NGUYỄN THỊ KIM THU	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
78	151214593	NGUYỄN DUY NAM	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
79	151214596	LÊ THỂ SANG	K15XCD2	8				7				7	7.2	Baý pháp Hai		
80	151214602	TRẦN CÔNG TOÀN	K15XCD2	8				7				7	7.2	Baý pháp Hai		
81	151214623	LƯƠNG NINH	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
82	151215629	NGUYỄN TUẤN VŨ	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tăm		
83	151215637	VÕ VĂN SANG	K15XCD2	8				7				7	7.2	Baý pháp Hai		

Ngày thi: 21/09/2010

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					20				25				55	100			
84	151215638	TRẦN THẾ HÙNG	HÙNG	K15XCD2	7				8				8	7.8	Baý pháy Tảỉm		
85	151215640	PHAN NGỌC HƯNG	HƯNG	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tảỉm		
86	151215790	TRẦN XUÂN RIN	RIN	K15XCD2	8				7				6	6.7	Saũ pháy Baý		
87	151215865	TRẦN THANH TÙNG	TÙNG	K15XCD2	7				7				7	7.0	Baý		
88	151215900	NGUYỄN MINH CẨM	CẨM	K15XCD2	8				6				5	5.9	Nảỉm pháy Chẻn		
89	151215921	NGUYỄN NHẬT TÂN	TÂN	K15XCD2	8				7				7	7.2	Baý pháy Hảỉ		
90	151215944	BÙI CHÍ TRUNG	TRUNG	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tảỉm		
91	151216016	LÊ HÙNG SƠN	SƠN	K15XCD2	8				8				8	8.0	Tảỉm		
92	151216133	NGUYỄN KHUÔNG	KHUÔNG	K15XCD2	0				0				HP	0.0	Khảỉng		
93	151216176	NGUYỄN XUÂN THỨC	THỨC	K15XCD2	9				7				6	6.9	Saũ pháy Chẻn		
94	151216210	NGUYỄN VĂN TRUNG	TRUNG	K15XCD2	7				7				7	7.0	Baý		
95	151216251	NGUYỄN HUY CƯỜNG	CƯỜNG	K15XCD2	7				5				2	0.0	Khảỉng		
96	151216252	NGUYỄN DUY TOÀN	TOÀN	K15XCD2	6				5				3	0.0	Khảỉng		
97	151216379	CHÂU MINH MINH	MINH	K15XCD2	7				8				8	7.8	Baý pháy Tảỉm		
98	151216381	NGUYỄN MẬU BÌNH	BÌNH	K15XCD2	8				6				5	5.9	Nảỉm pháy Chẻn		
99	151325866	LÊ THANH BẢO	BẢO	K15XCD2	7				8				8	7.8	Baý pháy Tảỉm		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	88	89%	
2	Số sinh viên nợ	11	11%	
TỔNG CỘNG :		99	100%	

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 11 năm 2010

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú